

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRỪNG KHÁNH**
TỈNH CAO BẰNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 08/2017/HNGĐ-ST

Ngày 7 tháng 6 năm 2017

V/v Ly hôn giữa chị L và anh T

NHÂN DANH

N- ỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRỪNG KHÁNH - TỈNH CAO BẰNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nông Văn Phóng**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Hoàng Ánh Tuyết**;

2. Bà **Phùng Thị Phương**.

- Thư ký phiên tòa: Bà **Công Thị Xuân** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trùng Khánh tham gia phiên tòa:
Ông **Nông Ích Bộ** - Kiểm sát viên

Ngày 07 tháng 6 năm 2017, Tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trùng Khánh, xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số: 24/2017/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 03 năm 2017. Về việc xin ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2017/QĐXX-ST ngày 09 tháng 05 năm 2017 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông **Thị L**, sinh năm: 1988.

Trú tại: Xóm Đ - xã N - huyện Trùng Khánh - tỉnh Cao Bằng.

(Có mặt)

2. *Bị đơn:* Ông **Văn T**; Sinh năm: 1989.

Trú tại: Xóm Đ - Xã N - huyện Trùng Khánh - tỉnh Cao Bằng.

(Có mặt)

3. *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

Đình Thùy C; Sinh năm: 2012

Trú tại: Xóm Đ - xã N - huyện Trùng Khánh - tỉnh Cao Bằng.

(Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Chị Nông Thị L: Tôi (L) kết hôn với anh Đình Văn T vào ngày 19/01/2010 việc kết hôn của tôi do hai bên tự nguyện và được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán địa phương. Không có giấy chứng nhận kết hôn. Cưới xong tình cảm vợ chồng bình thường đã có thời gian sống chung và có một con chung đặt tên là Đình Thùy C sinh ngày 12/6/2012, hiện nay con ở với tôi.

Nguyên nhân lý do tôi làm đơn xin ly hôn anh T là: trong quá trình sống chung với nhau tôi cảm thấy tính tình không hợp, quan điểm sống không đồng nhất hay xảy ra mâu thuẫn không thể hàn gắn được. Từ khi có con chồng tôi không quan tâm đến vợ, con lúc nào cũng đi chơi đêm về muộn nên tôi thấy tình cảm vợ chồng không được hạnh phúc, hôn nhân không đạt được vợ chồng không thương yêu nhau, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng không thể hàn gắn đoàn tụ được nên tôi xin ly hôn. Chính thức cắt đứt quan hệ vợ chồng sống ly thân từ ngày 02/05/2016 đến nay.

Tài sản hồi môn ngày cưới gồm có chăn, màn, 1 tủ lạnh, 1 tủ đứng và một số đồ dùng sinh hoạt hàng ngày khác hiện nay anh T đang quản lý sử dụng; Tài sản chung, tài sản riêng không có.

Nay tôi yêu cầu Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với anh T, Về con chung tôi xin được trực tiếp nuôi dưỡng và yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000đ, về tài sản không yêu cầu Tòa án giải quyết, để cho anh T quản lý sử dụng.

Yêu cầu của bị đơn anh Đình Văn T: Tôi (T) kết hôn cùng chị L vào ngày 19/01/2010 việc kết hôn của tôi trên cơ sở tìm hiểu tự nguyện đến với nhau và được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán địa phương, không có giấy chứng nhận kết hôn. Cưới xong tình cảm vợ chồng bình thường đã có thời gian sống chung và có một con chung đặt tên là Đình Thùy C sinh ngày 12/6/2012. Hiện nay con ở với chị L.

Nguyên nhân lý do chị L làm đơn xin ly hôn là trong quá trình sống chung với nhau tính tình không hợp, quan điểm sống không thống nhất, hay xảy ra mâu thuẫn cãi nhau, nên chị bỏ về nhà mẹ đẻ. Chúng tôi chính thức cắt đứt quan hệ vợ chồng từ ngày 30/4/2016 đến nay.

Nay tôi yêu cầu Tòa án giải quyết cho vợ chồng tôi được đoàn tụ lại gia đình để cùng nhau nuôi dạy con cái.

Các tài liệu, chứng cứ nguyên đơn chị Nông Thị L cung cấp cho Tòa án gồm có: Giấy khai sinh của con (bản phô tô)

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TK phát biểu quan điểm: Qua nghiên cứu hồ sơ thấy rằng, về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký là đúng quy định của pháp luật. Việc chấp hành pháp luật của đương sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án không có gì sai phạm và đề nghị hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 và các Điều 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình 2014.

☐p dụng Nghị quyết số 326/2016 UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị L yêu cầu ly hôn với anh T.

Về giải quyết nuôi con theo qui định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên toà, ý kiến của các bên đương sự và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà.

[1] Chị L và anh T kết hôn vào ngày 19/01/2010, việc kết hôn trên cơ sở tìm hiểu tự nguyện đến với nhau và được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán địa phương, không có giấy chứng nhận kết hôn. Cưới xong tình cảm vợ chồng bình thường như bao gia đình khác đã có thời gian sống chung và có một con chung đặt tên là Đinh Thuỳ C sinh ngày 12/6/2012. Hiện nay con ở với chị L tại xóm Đ - xã N- huyện TK- tỉnh Cao Bằng.

Nguyên nhân, xin ly hôn là trong quá trình sống chung với nhau chị L cảm thấy tính tình không hợp, quan điểm sống không đồng nhất hay xảy ra mâu thuẫn không thể hàn gắn được. Từ khi có con anh T không quan tâm đến vợ, con lúc nào cũng đi chơi đêm về muộn nên chị L thấy tình cảm vợ chồng không được hạnh phúc, hôn nhân không đạt được vợ chồng không thương yêu nhau, mâu thuẫn ngày

càng trầm trọng không thể hàn gắn đoàn tụ được nên chị L xin ly hôn. Chính thức cắt đứt quan hệ vợ chồng sống ly thân từ ngày 02/05/2016 đến nay.

[2] Tại phiên toà hôm nay hội đồng xét xử xét thấy: Tình cảm vợ chồng không còn mặc dù hai anh, chị có được tìm hiểu, sau đó hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán địa phương, nhưng không đi đăng ký kết hôn là trái với qui định của pháp luật. Cụ thể là trái với khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014. Khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân gia đình quy định "*Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện, Việc kết hôn không được đăng ký theo qui định tại khoản này thì không có giá trị pháp lý*" và khoản 1 Điều 14 qui định "*Nam nữ có đủ điều kiện kết hôn theo qui định của luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng*". Như vậy, cuộc hôn nhân giữa chị L và anh T là hoàn toàn trái với các qui định của pháp luật. Chị L làm đơn để chấm dứt quan hệ vợ chồng với anh T là có căn cứ và đúng với các qui định của Luật Hôn nhân gia đình năm 2014.

[3] Về con Đình Thuỳ C sinh ngày 12/6/2012 chị Nông Thị L nhận nuôi và yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000đ, nếu anh T không cấp dưỡng được thì giải quyết theo pháp luật, anh T cho rằng do gia đình khó khăn, không có thu nhập nên không có tiền cấp dưỡng nuôi con. Tuy nhiên, Hội đồng xét xử thấy việc nuôi con là nghĩa vụ của vợ, chồng nên anh T phải có nghĩa vụ cấp dưỡng theo qui định của pháp luật.

[4] Về tài sản chung, tài sản riêng: không có gì;

[5] Tài sản hồi môn ngày cưới gồm: Chăn, màn, 01 tủ lạnh, 01 tủ đứng và một số đồ dùng sinh hoạt hàng ngày khác hiện nay anh T đang quản lý sử dụng, chị không đặt vấn đề chia, chị L tự nguyện nhượng cho anh T quản lý sử dụng là phù hợp với tình, lý và đúng quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

☐p dụng khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 và các Điều 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình 2014.

☐p dụng Nghị quyết số 326/2016 UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

1. Nay xử không công nhận chị Nông Thị L và anh Đình Văn T là vợ chồng.

2. Về con chung: Giao cháu Đình Thuỳ C sinh ngày 12/ 06/ 2012 cho chị Nông Thị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục đến tuổi trưởng thành (18 tuổi). Anh T có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 600.000đ việc đóng góp đ- ợc thực hiện từ ngày 07 tháng 6 năm 2017.

Anh T có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở.

2. Về án phí: Chị L phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí sơ thẩm dân sự để sung công quỹ Nhà nước. Xác nhận chị L đã nộp 300.000đ tiền tạm ứng án phí tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trùng Khánh theo biên lai số AB/2012/00985 ngày 15/03/2017.

Anh Đình Văn T phải nộp tiền án phí cấp dưỡng nuôi con là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng.)

3. Báo cho các đương sự được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. /.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự. Người được thi hành án, ng- ời phải thi hành án có quyền thoả thuận thi hành án, có quyền yêu cầu thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

*** Nơi nhân:**

- TAND tỉnh;
- VKSND TK;
- THADS . TK;
- UBND xã N;
- Hai bên đ- ơng sự;
- Lưu hồ sơ, lưu án văn;

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán

(Đã ký)

Nông Văn Phóng